

LÊ TRUYỀN\*

## Một số vấn đề về kinh tế - xã hội ở nông thôn Hải Hưng

Chúng tôi giới hạn mốc thời gian, đánh giá thực trạng nông thôn Hải Hưng từ khi thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và tiêu chuẩn để đánh giá là so sánh thực trạng với yêu cầu ùn đình, nâng cao thu nhập và mức sống của người dân ở nông thôn, so sánh với yêu cầu của việc đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp, yêu cầu thực hiện dân chủ, công bằng ở nông thôn.

### 1. NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ Ở NÔNG THÔN

Ba năm qua, sản xuất nông nghiệp của Hải Hưng có bước phát triển đáng kể. Tốc độ tăng bình quân về sản lượng lương thực của các năm 1988, 1989, 1990 đều vượt tốc độ tăng bình quân của 5 năm 1981-1985. So với năm 1987, cả ba năm thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị sản lượng lương thực đều cao hơn: năm 1988 so với năm 1987 tăng 132.448 tấn, năm 1989 so với năm 1987 tăng 212.020 tấn và năm 1990 so với năm 1987 tăng 121.000 tấn.

Chăn nuôi cũng phát triển khá, các súc vật nuôi chính đều tăng về số lượng, có loại súc vật nuôi tăng với tốc độ cao, chẳng hạn như bò ba năm qua tốc độ tăng trung bình hàng năm là 16,8%. Đến nay, nông nghiệp đã có bước phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, các cấp tỉnh, huyện, hợp tác xã, hộ xã viên đều có ý thức tạo ra sản phẩm hàng hóa, tăng số lượng các loại nông sản là hàng hóa. Nông dân đã tập trung đầu tư cho những cây trồng, con nuôi là sản phẩm hàng hóa đó về vật chất, trí tuệ không kém gì đầu tư cho cây lúa là cây trồng chính ở nông thôn hiện nay.

Tuy nhiên, cho đến nay sản lượng và năng suất lúa của tỉnh vẫn chưa ổn định, chưa cao, còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Trong ba năm qua, nếu các dịch vụ của hợp tác xã tốt hơn, cơ chế đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật đến với từng hộ nông dân được thực hiện rộng rãi, đồng đều, thì chắc chắn năng suất và sản lượng cây trồng sẽ ổn định hơn. Tỷ suất hàng hóa, nông sản còn thấp, sản phẩm phân tán, chất lượng kém và hiệu quả chưa cao.

Các hợp tác xã nông nghiệp trong toàn tỉnh hiện nay còn ở trong tình trạng lưỡng lự giữa hai cơ chế: ban quản trị điều hành sản xuất, phân phối và hộ xã viên là đơn vị kinh tế độc lập tự chủ, hạch toán kinh doanh. Không một ban quản trị nào dám buông trôi toàn bộ công việc điều hành và khoán hết cho xã viên tất cả các khâu sản xuất. Mặt khác, nhiều nông dân chưa vững tin vào sức mình, còn có tư tưởng trông chờ, thụ động trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Chính vì có sự song hành của hai cơ chế như vậy, nên khâu trung gian giữa hợp tác xã và hộ nông dân là các đội - cả đội sản xuất và đội chuyên - đang hoạt động lúng túng và cách thức tổ chức của các đội chuyên cũng rất khác nhau. Trong toàn tỉnh hiện chỉ có 35,8% số hợp tác xã còn tổ đội bảo vệ thực vật, trên 60% số hợp tác xã chỉ có từ 1-2 người làm công tác này, chủ yếu làm nhiệm vụ cung ứng thuốc, việc phòng trừ sâu bệnh hoàn toàn do xã viên tự làm. Công tác thủy nông, bảo vệ thực vật, làm giống là những khâu quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, nhưng sẽ được giải quyết như thế nào trong điều kiện sản xuất hiện nay là những vấn đề chưa có câu trả lời rõ ràng.

Trong điều kiện hộ nông dân là những đơn vị kinh tế độc lập, quy mô sản xuất và vốn liếng của họ còn nhỏ bé, thường chỉ đủ tập trung cho sản xuất; khâu lưu thông vật tư hàng hóa, mở rộng vốn khi cần thiết chủ yếu vẫn phải dựa vào Nhà nước và tập thể. Nhưng ba năm qua, nhất là năm 1990, hoạt động của các đơn vị đảm nhận những công việc này chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nông dân chuyển sang sản xuất hàng hóa. Con số 30% hợp tác xã mua bán xã, huyện hoạt động cầm chừng, 50% kinh doanh lỗ, cá biệt có nơi thua lỗ nặng,

\* . Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hải Hưng.

đang chứng minh cho điều đó. Việc đáp ứng nhu cầu tiền vốn cho nông dân và hợp tác xã từ ngân hàng và các quỹ tín dụng cũng rất hạn chế. Tình trạng phổ biến hiện nay trong quan hệ vay mượn của hợp tác xã với ngân hàng là nợ tác xã không vay được tiền, vì còn nợ Nhà nước nhiều và không có khả năng thanh toán. Các hợp tác xã tín dụng cũng chưa gắn bó được với nông dân thông qua hoạt động huy động vốn và cho vay.

Trong nông nghiệp, cơ cấu sản xuất từ tỉnh đến huyện, hợp tác xã và hộ xã viên còn đơn điệu.

Lúa, lợn, cây vụ đông là những cây trồng và con nuôi chủ lực. Thực trạng cơ cấu đó là một trở ngại cho việc chuyên môn hóa sản xuất.

Việc giao đất cho xã viên sử dụng còn manh mún, bình quân, khó điều chỉnh khi cần thiết.

Khê đọng sản phẩm trong nông dân còn nhiều (toàn tỉnh 101.335 tấn). Đó là những khó khăn phải giải quyết để thực sự phát triển kinh tế ở nông thôn.

## II. THỰC TRẠNG ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT CỦA NÔNG DÂN

### 1. Mức sống.

Nhìn chung, thu nhập và mức sống của nông dân trong tỉnh có tăng lên so với thời kỳ trước khoán 10. Bình quân lương thực tính theo đầu người năm 1987 là 333 kg, năm 1988 là 391 kg, 1989 là 402 kg, 1990 là 359 kg. Đã có sự phân hóa trong các gia đình nông dân về nguồn thu nhập và mức sống. Tính theo bình quân lương thực, số lượng hộ đạt trên 500 kg/người/năm chiếm gần 10%, trong khi đó có hộ qua mùa thu hoạch đã hết lương thực. Xem xét về các phương tiện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, có nhiều hộ không có một chiếc xe đạp, không có một công cụ sản xuất nào đáng kể (như máy tuốt lúa, xe vận chuyển thô sơ), trong khi đó trong 2.200 hộ điều tra cũng có 5 hộ có ô tô riêng, 5 hộ có xe công nông riêng. Cần khẳng định rằng sự phân hóa như vậy là xu hướng tất yếu trong điều kiện phát triển nền sản xuất hàng hóa. Sự tăng lên về thu nhập và mức sống của các hộ gia đình nông dân chủ yếu là do hiệu quả sản xuất kinh doanh của họ quyết định, tập thể và Nhà nước chỉ tác động có mức độ. Nhiều hộ do biết phát huy hết năng lực sản xuất của gia đình, năng động trong sản xuất và hòa nhập được vào môi trường kinh tế của xã hội, nên có thu nhập cao và trở nên giàu có mau chóng. Ngược lại, một số hộ hoặc thiếu lao động (gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình neo đơn), hoặc thiếu vốn, vật tư sản xuất thì mức sống thấp, khó khăn kéo dài. Trong điều kiện như hiện nay, những hộ này khó có thể vươn lên được nếu chỉ tự lực cánh sinh là chính.

Sự khác biệt về điều kiện sản xuất của từng hộ là nguyên nhân chính dẫn đến sự chênh lệch về kết quả sản xuất và phân hóa thu nhập của họ. Những khác biệt cụ thể là: khả năng đảm bảo vốn vật tư cho sản xuất, năng lực áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kể cả kinh nghiệm làm ruộng, trồng trọt, khả năng tổ chức sản xuất và phát huy các tiềm năng khác của họ. Hiện nay, yếu tố quy mô sử dụng ruộng đất chưa có tác động mạnh, có thể trong những năm tới nó sẽ có tác động lớn hơn. Vì vậy, cần định hướng sự phân hóa này vào việc góp phần đẩy mạnh tập trung, chuyên môn hóa trong sản xuất, chuyển nền nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa một cách vững chắc. Tức là cần phân loại hộ theo tiêu chuẩn đáp ứng cho yêu cầu sản xuất nhất là sản xuất hàng hóa, bên cạnh việc phân loại hộ theo thu nhập và mức sống. Từ đó có chính sách cụ thể để giúp đỡ những hộ gặp khó khăn trong sản xuất.

### 2. Vấn đề ở của nhân dân nông thôn.

Ba năm qua, nhờ phát triển sản xuất, tình trạng xây dựng, kiến thiết nơi ở của nông thôn đang thay đổi theo hướng tiến bộ. Mức độ ngôi nhà khá cao, tỷ lệ ngôi nhà ở một số xã như Quốc Tuấn đạt 95%.

Nhưng tình trạng nhà ở của nhân dân cũng còn những điều đáng quan tâm. Có từ 5% đến 7% số hộ nghèo khó, thì nhà cửa của họ cũng nhỏ bé, lụp xụp. Trên quy mô tỉnh và huyện, chưa có chương trình quy hoạch nhà ở đối với nông thôn. Việc cấp đất xây dựng nhà ở còn tùy tiện, gây nên sự bất bình không đáng có ở một số địa phương. Hiện tượng lấn chiếm đất để xây dựng nhà ở còn phổ biến.

### 3. Điều kiện đi lại của nhân dân và hệ thống giao thông nông thôn.

Các phương tiện phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân đã được cải thiện. Năm 1990, tỉnh đã đầu tư cho việc sửa chữa, nâng cấp các trục đường giao thông, trong đó có đường giao thông nông thôn 5 tỷ đồng. Tuy nhiên, nhìn chung số lượng đường sá được tu bổ chưa đáng là bao, việc đi lại của nhân dân ở nông thôn còn khó khăn, nhất là trên hệ thống đường liên thôn và liên xóm.

## III. NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI Ở NÔNG THÔN

### 1 Giáo dục.

Hệ thống trường lớp trong tỉnh được xây dựng và sửa chữa ngày càng hoàn chỉnh hơn. Số trường phổ thông cơ sở cao tầng chiếm từ 20% đến 25%, phổ thông trung học là 35%. Tuy nhiên, do có khó khăn về vốn đầu tư và thiếu sự quan tâm đúng mức của một số cấp lãnh đạo, cơ sở vật chất ở nhiều trường lớp xuống cấp nghiêm trọng.

Sự nghiệp giáo dục được điều chỉnh theo hướng tập trung cho lớp 1, cấp 1 và xóa mù chữ, nâng cao chất lượng các cấp học. Đội ngũ thầy cô giáo, nhất là ở cấp 1, lớp 1 được tạo điều kiện để đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn hóa. Hệ thống giáo dục được sắp xếp hợp lý hơn theo yêu cầu phát triển chung của xã hội và của nền kinh tế. Học tập của học sinh cũng có tiến bộ. Năm học 1989-1990, số học sinh cấp 1 tăng 7%

Tuy nhiên, chất lượng giáo dục còn chưa cao, chưa đều, chưa vững chắc, dẫn đến xuất hiện hiện tượng mù chữ trở lại. Hiện còn 11% giáo viên ở cấp 1 và 30% giáo viên ở cấp 2 chưa được tiêu chuẩn hóa. Số học sinh phổ thông cơ sở bỏ học hoặc không muốn học lên khá nhiều. Nguyên nhân của tình trạng bỏ học là: trình độ phát triển kinh tế và xã hội hiện nay ở nông thôn còn hạn chế, nên chưa có điều kiện để các em học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học và cả phổ thông cơ sở sử dụng có hiệu quả những kiến thức đã tiếp thu được từ nhà trường. Ngoài ra, do nông thôn đang chuyển sang phát triển sản xuất hàng hóa và kinh doanh tổng hợp, nên nhu cầu về lao động tăng lên, nhiều em học sinh phải bỏ học để tham gia sản xuất, hoạt động kinh tế. Giáo dục mầm non chưa đạt kết quả cao. Toàn tỉnh mới có 40-50% số cháu được vào nhà trẻ, mẫu giáo.

### 2. Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

Màng lưới y tế được mở rộng và từng bước được đầu tư nâng cấp từ tỉnh đến xã. Nhiều nơi xây trạm xá hai tầng, có hợp đồng bác sĩ về chữa bệnh cho nhân dân. Tỉnh đã coi trọng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Các hoạt động phòng chống dịch bệnh nhiễm khuẩn, bệnh xã hội, tiêm chủng cho trẻ em có tiến bộ. Dịch vụ y tế phát triển, đáp ứng nhu cầu cơ bản thuốc thông thường hỗ trợ cho công tác khám, chữa bệnh của hệ thống y tế Nhà nước.

Tuy nhiên, công tác này còn những mặt yếu: chất lượng điều trị và phục vụ bệnh nhân ở nhiều bệnh viện, trạm xá còn thấp, trang thiết bị chữa bệnh cũ nát, cán bộ có trình độ chuyên môn cao ở tuyến dưới còn ít.

### 3. Thực trạng việc làm cho người lao động.

Lực lượng lao động ở nông thôn hiện nay khá dồi dào, số lao động trong độ tuổi toàn tỉnh là 1,1 triệu người, tập trung chủ yếu ở nông thôn. Đây là một thế mạnh của anh đồng thời cũng là một sức ép đối với việc tổ chức lao động, đặc biệt là ở nông thôn. Hiện nay bình quân đất đai canh tác trong tỉnh là 395 m<sup>2</sup>/mỗi người, trong khi đó dân số tiếp tục tăng, số người bước vào độ tuổi tham gia lao động của một vài năm tới tăng nhanh hơn. Số lao động điều chuyển từ các khu vực hành chính sự nghiệp, công nghiệp và các ngành khác cũng không nhỏ, khoảng 2 vạn người. Sản xuất nông thôn còn phụ thuộc vào thời tiết, cơ cấu độc canh là chính, mang nặng tính tự túc tự cấp các ngành nghề còn manh nha. Vì vậy, việc làm cho người lao động ở nông thôn đang là vấn đề rất gay gắt.

### 4. Thực trạng thực hiện dân chủ ở nông thôn.

Từ sau Đại hội VI đến nay, vấn đề dân chủ ở nông thôn đã được mở rộng hơn. Cán bộ ở các cấp đều cố gắng thực hiện được yêu cầu của dân chủ là: biết lắng nghe ý kiến của nhân dân, không trù dập, từng bước giải quyết các yêu cầu của dân về mọi lĩnh vực. Nhân dân đã có sự mạnh dạn đóng góp ý kiến cho cơ quan và cán bộ lãnh đạo ở các cấp với thái độ xây dựng tích cực. Nhưng trong thực hiện dân chủ vẫn còn tình trạng chưa tốt là hoặc hữu khuynh, xuôi chiều, cho qua mọi chuyện, hoặc tự phát quá mức.

Hiện tượng nêu trên có nhiều nguyên nhân. ở một số thôn, xã, nhân dân chưa được lựa chọn đúng người đầy đủ phẩm chất, năng lực để đại diện cho mình, do đó họ chưa thật sự tin tưởng và yên tâm với cách giải quyết của những cán bộ đó. Ngoài ra, công việc điều hành tổ chức và quản lý ở nông thôn là hết sức phức tạp, trong khi đó sự chuẩn bị về mọi mặt cho cán bộ ở cơ sở chưa tốt, nói chung họ phải mày mò vừa làm vừa học hỏi, rút kinh nghiệm.

Về phía nhân dân, sự quan tâm đến vấn đề thực hiện dân chủ ở địa phương còn chưa đồng đều. Ngoài một số ít người tích cực góp phần sức lực, trí tuệ của mình vào công việc chung, còn nhiều người ít quan tâm hoặc chỉ quan tâm khi có vấn đề liên quan trực tiếp đến lợi ích chính trị hoặc kinh tế của mình. Một bộ phận không nhỏ nhân dân còn chưa nắm vững Hiến pháp, pháp luật

#### IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ VÀ CHÍNH SÁCH

Từ các vấn đề thực tiễn ở Hải Hưng, để tiếp tục đưa nông thôn chuyển mạnh sang sản xuất.

hàng hóa, theo chúng tôi, ngoài việc tiếp tục thực hiện chủ trương ưu tiên phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nông nghiệp và công nghiệp, cần quan tâm tới một số chính sách cụ thể chủ yếu sau.

##### 1. Những chính sách đối với các đơn vị kinh tế chủ yếu ở nông thôn.

a) *Hộ nông dân*: Để hộ nông dân thực sự trở thành đơn vị tự chủ kinh doanh, Nhà nước cần mạnh mẽ việc thương mại hóa vật tư, thông qua các hợp đồng kinh tế, khuyến khích các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế quốc doanh, làm việc này để giảm bớt khó khăn cho nông dân. Dòng thời Nhà nước nên có chính sách khuyến khích thỏa đáng đối với các cá nhân, tập thể có hợp đồng giúp cho nông dân chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Các cấp chính quyền, các đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội cần quan tâm, giúp đỡ một cách thiết thực cho các hộ nông dân gặp khó khăn trong sản xuất về vốn, vật tư và kinh nghiệm sản xuất. Đối với người không thể lao động nông nghiệp được (gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình neo đơn), cần tạo điều kiện làm những công việc khác, hoặc ưu đãi điều kiện sản xuất. Cần định hướng chính sách ngay từ khâu sản xuất, tạo điều kiện cho những người biết làm giàu chân chính vươn lên và giúp đỡ có hiệu quả những người gặp khó khăn trong sản xuất.

b) *Hợp tác xã*: Trước hết phải khẳng định quan điểm không thể xóa hợp tác xã mà cần củng cố nó. Tiếp tục đổi mới triệt để cơ chế quản lý của hợp tác xã nông nghiệp theo hướng vừa bảo đảm quyền tự chủ của hộ xã viên, vừa tăng cường vai trò của hợp tác xã trong công tác quy hoạch, trong việc điều hành các dịch vụ sản xuất, tổ chức hợp tác, liên doanh với bên ngoài, cùng với chính quyền và đoàn thể thực hiện chính sách xã hội, xây dựng nông thôn mới.

Khuyến khích và ủng hộ việc xây dựng các loại hình hợp tác xã khác ở nông thôn như: hợp tác xã cung ứng - tiêu thụ, hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã các ngành nghề và con nuôi khác. Chú trọng xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật ở thôn xã. Phấn đấu sớm đưa điện về nông thôn với giá cả phù hợp khả năng tài chính của nông dân.

Khoa học và công nghệ là một trong những động lực quan trọng đưa kinh tế nông thôn ra khỏi tình trạng chậm phát triển, lạc hậu. Định hướng chủ yếu là đẩy mạnh công tác chuyển giao, ứng dụng và hợp tác đưa tiến

bộ kỹ thuật vào sản xuất.

## 2. Chính sách về những vấn đề xã hội.

a) *Giáo dục*: Chăm lo giáo dục mầm non phù hợp với kinh tế - xã hội trong tình hình mới, áp dụng nhiều hình thức trường lớp. Quan tâm đặc biệt đến việc dạy và học của thầy và trò ở cấp phổ thông cơ sở (về cơ sở vật chất, chính sách đãi ngộ...), tạo mọi điều kiện để học sinh trong độ tuổi này được đi học. Phần đầu từ 5 đến 10 năm nữa phổ cập phổ thông cơ sở cho toàn dân, vì đó là trình độ văn hóa cần thiết đáp ứng yêu cầu hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ kinh doanh. *Bị Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe*: Bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể lực của nhân dân phải trở thành hoạt động tự giác của mỗi người, có sự hỗ trợ và giúp đỡ của các ngành chuyên môn, sự phối hợp chặt chẽ của Nhà nước và các đoàn thể. Thực hiện thường xuyên phong trào vệ sinh, phòng bệnh, ăn ở sạch, hợp vệ sinh (phong trào này đã có từ lâu ở Hải Dương cũ, nhất là ở Nam Sách). "Kiện toàn mạng lưới y tế từ tỉnh đến huyện, xã, chú ý đặc biệt đến các tuyến xã, liên xã ở vùng xa trung tâm tỉnh, huyện, xa đường giao thông. Đầu tư ưu tiên về thuốc, cán bộ chuyên môn tốt, cơ sở vật chất cho những vùng đó.

Bằng mọi biện pháp đồng bộ, tuyên truyền vận động, kinh tế, dư luận và tâm lý để sớm giảm tỷ lệ tăng dân số xuống 1,7%.

c) *Chính sách việc làm*: Định hướng chung quan trọng nhất là bằng cơ chế, chính sách cởi mở, khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế phát triển, tạo việc làm tại chỗ gắn với phân bổ lại lao động giữa các vùng, giữa các ngành trong tỉnh, hình thành các cụm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nhỏ ở nông thôn, ở các thị trấn.

Theo hướng đó, cần kế thừa và phát huy những thế mạnh trong việc sử dụng lao động đã có nước đây ở nông thôn. Đó là đẩy mạnh thâm canh và tăng vụ kết hợp với những nỗ lực để chuyển nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa. Tận dụng lực lượng lao động từ khu vực Nhà nước bổ sung về nông thôn để mở mang hoặc khôi phục các ngành nghề truyền thống, ngành nghề hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp, hoặc là làm lưu thông cung ứng, hoặc dịch vụ sửa chữa. Khuyến khích việc trao đổi thuê mướn lao động công nhật theo thời vụ và theo công việc giữa các thôn, xã, thậm chí giữa các huyện...

d) *Thực hiện dân chủ công bằng ở nông thôn*: Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới. Điều kiện quan trọng để phát huy dân chủ là nâng cao dân trí, hiểu biết luật pháp và ý thức tuân thủ pháp luật của nhân dân, chống tệ quan liêu và những hành vi xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân. Song song với việc thực hiện *dân chủ và áp trung*, cần lưu ý tới vấn đề kết hợp *dân chủ với kỷ luật* cả ở phía cán bộ và nhân dân.

Xác định đúng đắn vai trò lãnh đạo của Đảng ở các cấp trung việc đề ra đường lối, chủ trương đưa nhân dân tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn. Tạo điều kiện để nhân dân được dân chủ, công khai lựa chọn những người đại diện biết chăm lo đúng đắn đến lợi ích của họ. Quan tâm bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ cơ sở để họ đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới hiện nay, đồng thời có chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho đội ngũ cán bộ này. Nhà nước cần thể chế hóa kịp thời các quy định dưới luật do liên quan đến sản xuất và đời sống ở nông thôn, đồng thời tuyên truyền cho cán bộ, nhân dân nắm vững và chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp, pháp luật và những quy định dưới luật đó.